

TÁC GIA-TÁC PHẨM

**TIẾP CẬN ĐA NGÀNH VÀ LIÊN NGÀNH: BẢN CHẤT NGỮ
NGHĨA TỪ VỰNG VÀ HỆ TẦNG KIỂU LOẠI NGHĨA -
MỘT DẤU MỐC TRONG CHẶNG ĐƯỜNG
50 NĂM NGHIÊN CỨU NGỮ NGHĨA VÀ NGỮ NGHĨA HỌC
CỦA GS. TS LÊ QUANG THIÊM
PHẠM VĂN LAM***

TÓM TẮT: Ngữ nghĩa học nói chung và ngữ nghĩa học tiếng Việt nói riêng là một lĩnh vực khó. Sách vở về lĩnh vực này quả thực khá khiêm tốn so với các lĩnh vực khác của ngôn ngữ học nói chung. Do đó, cụm các công trình nghiên cứu về ngữ nghĩa học và nghĩa tiếng Việt của GS.TS Lê Quang Thiêm là một sự bổ sung hiếm hoi, quý báu cho cả việc nghiên cứu và đào tạo khoa học. Nhân dịp sự ra đời của *Tiếp cận đa ngành và liên ngành: bản chất ngữ nghĩa từ vựng và hệ tầng kiểu loại nghĩa* (2024), bài viết được thực hiện nhằm điểm lại những đóng góp khoa học của GS.TS Lê Quang Thiêm qua các chuyên khảo *Lịch sử từ vựng tiếng Việt (thời kì 1858 - 1945)* (2003), *Ngữ nghĩa học* (2008), *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* (2015) và *Tiếp cận đa ngành và liên ngành: bản chất ngữ nghĩa từ vựng và hệ tầng kiểu loại nghĩa* (2024).

TỪ KHOẢ: Lê Quang Thiêm; ngữ nghĩa học; nghĩa từ vựng; sự phát triển nghĩa; tầng nghĩa; kiểu nghĩa.

NHẬN BÀI: 05/10/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 06/11/2025

1. Đặt vấn đề

Có thể coi công việc nghiên cứu ngữ nghĩa học và nghĩa tiếng Việt của nhà ngữ ngữ học, Giáo sư, Tiến sĩ, Nhà giáo Nhân dân Lê Quang Thiêm, về căn bản, được bắt đầu từ đầu những năm 1970 với công trình viết bằng tiếng Bulgari (1979), mà về sau đã được dịch ra tiếng Việt với tựa đề *Một số vấn đề của hiện tượng đa nghĩa từ vựng tiếng Bulgari và tiếng Việt* (2022). Từ đó đến nay, Lê Quang Thiêm đã cho ra đời nhiều công trình có tính chất mở đường, nhiều giá trị và về cả học thuật lẫn đào tạo, chẳng hạn như *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ* (1989; tái bản có bổ sung 2004), *Từ điển tần số tiếng Việt* (cộng tác với Nguyễn Đức Dân, 1989); tái bản có bổ sung 2004), *Từ điển Bun - Việt* (1984), *Văn hoá văn minh và văn hoá truyền thống Hàn* (2005), *Lịch sử từ vựng tiếng Việt (thời kì 1858 - 1945)* (2003), *Sự phát triển hệ thuật ngữ tiếng Việt theo định hướng văn hoá* (1907-2005),...

*TS; Viện Ngôn ngữ học; Email: phamvanlam1999@gmail.com



Trong số các chuyên khảo của Lê Quang Thiêm về ngữ nghĩa học và nghĩa tiếng Việt, không thể nào không kể đến ba công trình liên quan mật thiết đến nhau là *Ngữ nghĩa học* (2008), *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* (2015), và gần đây nhất là *Tiếp cận đa ngành và liên ngành: bản chất ngữ nghĩa từ vựng và hệ tầng kiểu loại nghĩa* (2004). Có thể coi đây là một cụm công trình khoa học độc đáo và có nhiều đóng góp quan trọng của Lê Quang Thiêm trong Việt ngữ học. Nó thể hiện tập trung ý thức lập thuyết, minh chứng và phát triển lí luận ngữ nghĩa học tiếng Việt của Lê Quang Thiêm qua các nghiên cứu cụ thể. Vậy logic của quá trình này là gì? Đóng góp tiên phong của Lê Quang Thiêm thể hiện ở chỗ nào? Bài viết này được thực hiện để trả lời những câu hỏi đó.

Bài viết được bắt đầu từ công trình *Lịch sử từ vựng tiếng Việt (thời kì 1858 - 1945)*, sau đó điểm lại các công trình *Ngữ nghĩa học* (2008), *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* (2015), và cuối cùng dừng lại ở việc giới thiệu sơ lược công trình *Tiếp cận đa ngành và liên ngành: bản chất ngữ nghĩa từ vựng và hệ tầng kiểu loại nghĩa* (2024).

2. Từ thực tiễn lịch sử từ vựng tiếng Việt (thời kì 1858 - 1945) (2003)

Lịch sử từ vựng tiếng Việt (thời kì 1858 - 1945) là công trình Việt ngữ học đầu tiên nghiên cứu một cách hệ thống, cơ bản nhất về sự phạm trù từ vựng của từ vựng tiếng Việt trong khoảng thời gian từ năm 1858 đến năm 1945. Giai đoạn 1858 - 1945 là giai đoạn có nhiều biến động lớn của đất nước. Điều này được thể hiện rõ nét trong tiếng Việt, đặc biệt là trong hệ thống từ vựng - một lĩnh vực dễ chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố xã hội và phản ánh trực tiếp sự vận động của xã hội. *Lịch sử từ vựng tiếng Việt (thời kì 1858 - 1945)* đã đi sâu phân tích, mô tả diện mạo hệ thống từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt qua các cứ liệu, xét cả ở góc độ đồng đại lẫn lịch đại, đặc biệt là tác giả đã nghiên cứu một loạt sự kiện ngôn ngữ trong thế tương phản giữa đồng đại nhất nguyên và đồng đại động. Với công trình này, mặc dù tác giả đã hết sức cẩn trọng và khiêm tốn khi cho rằng những kết quả nghiên cứu của mình “còn xa mới có thể được gọi là đặc điểm hay quy luật” (tr.289) nhưng độc giả cũng không khỏi ngạc nhiên bởi một “rừng ngữ liệu” được miêu tả và phân tích hết sức xác đáng. Dĩ nhiên, trong công trình này, trước một hiện thực từ vựng - ngữ nghĩa rộng lớn và phức tạp như giai đoạn này, nhiều ý tưởng của tác giả dường như vẫn dừng ở mức độ giả thiết, vẫn cần được bổ sung cả về mặt lí luận và chứng cứ thực tiễn.

Trong lịch sử Việt ngữ học lịch sử, trước những năm 2000, mới chỉ có một vài công trình đáng chú ý, mẫu mực như *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt* (Nguyễn Tài Cẩn, 1979), *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt* (Nguyễn Tài Cẩn, 1995). Như vậy, công trình *Lịch sử từ vựng tiếng Việt thời kì 1858 - 1945* của Lê Quang Thiêm là một bổ sung hiếm hoi, hữu ích cho danh sách các nghiên cứu vốn khá khiêm tốn về lịch sử tiếng Việt nói chung và lịch sử từ vựng tiếng Việt nói riêng. Công trình là một sự gợi mở có nhiều giá trị cho những ai còn tiếp tục đi sâu nghiên cứu những vấn đề về lịch sử từ vựng tiếng Việt, kể cả các giai đoạn trước và sau thời kì này.

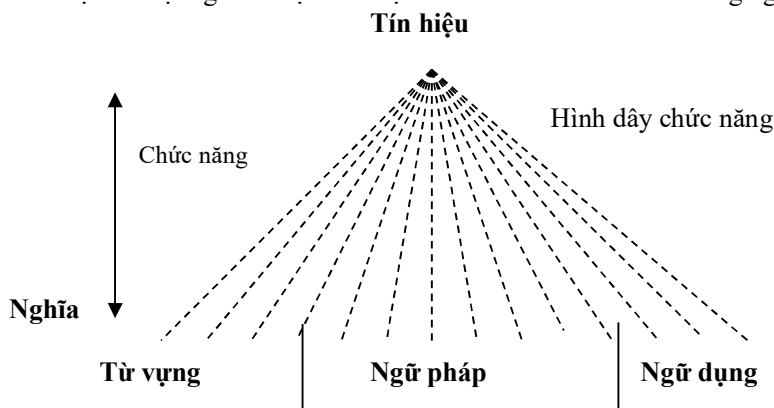
Trong Việt ngữ học, việc nghiên cứu về từ vựng - ngữ nghĩa theo định hướng lịch đại và đồng đại động mới được chú ý, đẩy mạnh và được thực hiện một cách khá liên mạch, hệ thống và có tính chất bứt phá trong khoảng hơn mười năm trở lại đây. Có thể coi *Lịch sử từ vựng tiếng Việt thời kì 1858 - 1945* là một sự mở đầu hệ thống và cơ bản nhất về lịch sử từ vựng tiếng Việt. Tiếp sau công trình này, Việt ngữ học mới có *Sự phát triển của từ vựng tiếng Việt nửa sau thế kỉ XX* (Hà Quang Năng (cb.), 2009), *Lược khảo lịch sử từ vựng tiếng Việt* (Vũ Đức Nghiệu, 2011), *Tiếng Việt lịch sử trước thế kỉ XX - những vấn đề quan yếu* (Đinh Văn Đức (cb.), 2015), *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* (Lê Quang Thiêm, 2015), bên cạnh các công trình như *Một vài vấn đề nghiên cứu so sánh lịch sử nhóm ngôn ngữ Việt - Mường* (Trần Trí Dồi, 2022), *Ngữ pháp lịch sử tiếng Việt: từ và ngữ đoạn* (Vũ Đức Nghiệu, 2019) và *Lịch sử ngôn ngữ người Việt: góp phần tìm hiểu văn hoá Việt Nam* (Trần Trí Dồi, 2022).

3. Đến việc xác lập bộ khung lí luận ngữ nghĩa học (2008)

Lịch sử từ vựng tiếng Việt thời kì 1858 - 1945, nhìn một cách tổng quan, ta thấy có hai vấn đề đáng chú ý cần được đặt ra: Một, sự phát triển của từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt sau 1945 như thế nào? Với câu hỏi này, về căn bản, diện mạo từ vựng tiếng Việt nửa sau thế kỉ XX có thể được hình dung tổng thể qua *Sự phát triển của từ vựng tiếng Việt nửa sau thế kỉ XX* (Hà Quang Năng (cb.), 2009). Hai, *Lịch sử từ vựng tiếng Việt thời kì 1858 - 1945* mới chỉ chú trọng khía cạnh từ vựng, khía cạnh nghĩa của từ vựng vẫn chưa được chú ý. Câu hỏi này trên đại thể đã được Lê Quang Thiêm trả lời trong *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005*. Tuy nhiên, để có được câu trả lời trong *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005*, Lê Quang Thiêm đã tự xây dựng cho riêng mình một bộ khung lí luận ngữ nghĩa riêng. Điều này được thể hiện trong *Ngữ nghĩa học* (2008).

Ngữ nghĩa học của GS.TS. Lê Quang Thiêm không chỉ đơn thuần là một tập bài giảng, một giáo trình, như cái tiêu đề phụ khiêm tốn của nó, mà mang tính chất của một công trình nghiên cứu, một thử nghiệm ban đầu về một cách tiếp cận ngữ nghĩa học. *Ngữ nghĩa học* đã thể hiện ý tưởng và giải pháp, cách tiếp cận mới cho những vấn đề đã có, thường được tranh luận nhiều.

Điểm xuất phát về mặt lí thuyết trong quan điểm tiếp cận ngữ nghĩa học của Lê Quang Thiêm chính là “chức năng luận” và thứ đến là “tri nhận luận”. “Việc xác định nghĩa phải dựa vào một số nhân tố. Song nhân tố hàng đầu là sự nhận thức, sự tri nhận của con người về tín hiệu với văn cảnh, ngữ cảnh biểu hiện chúng khi thực hiện chức năng trong lời nói cũng như kiểu tạo cấu trúc hệ thống ngôn ngữ” (tr.87). Lê Quang Thiêm cho rằng “nghĩa là một thực thể tinh thần trừu tượng tồn tại trong mọi biểu hiện, cấp độ của ngôn ngữ để ngôn ngữ thực hiện chức năng công cụ giao tiếp và tư duy cũng như mọi loại chức năng cụ thể đa dạng khác, đặc biệt là trong lời nói, trong văn bản, diễn ngôn. Nghĩa của ngôn ngữ thể hiện trong mọi hình thức tồn tại của tín hiệu nên ngữ nghĩa học và nghĩa của tín hiệu phải được xem xét ở loại đơn vị có thuộc tính tín hiệu. Nghĩa là một thực thể tinh thần là một hình thức do con người và bởi con người cấu tạo, sử dụng ngôn ngữ như là một loại phương tiện, công cụ nên quan điểm chức năng phải được xem là nòng cốt trung tâm của kiến giải nghĩa” (tr.86). Tác giả “hình dung nghĩa (từng loại) hay mỗi loại nghĩa thể hiện trong quan hệ với chức năng và toàn bộ các loại nghĩa thuộc các loại hình thức của biểu thức trong ngôn ngữ” (tr.87) như sau:



Như vậy, với cách hiểu trên, nội dung của ngữ nghĩa học bao gồm: *ngữ nghĩa học từ vựng*, *ngữ nghĩa học ngữ pháp*, và *ngữ nghĩa học ngữ dụng*. Theo tác giả, “cần thiết nghiên cứu cả ba loại ngữ nghĩa học độc lập và có quan hệ chặt chẽ với nhau này” (tr.87). Điểm xuyên suốt trong toàn bộ cuốn sách khi đề cập đến các loại nghĩa thuộc các phạm vi khác nhau đó là sự phân biệt về *tầng nghĩa*, *kiểu nghĩa*, và *chiều kích nghĩa*. Tầng nghĩa và kiểu nghĩa đã được tác giả thử nghiệm trong cả nghĩa từ vựng, nghĩa ngữ pháp, nghĩa ngữ dụng.

Trong ngữ nghĩa học từ vựng, xuất phát từ sự đa phân ngữ nghĩa, dựa vào *chức năng, chuỗi, hệ thống chức năng*, Lê Quang Thiêm hình dung sơ đồ tầng nghĩa và kiểu nghĩa từ vựng như sau:

Tầng nghĩa trí tuệ	Nghĩa biểu niệm	<i>Khái niệm khoa học</i>
	Nghĩa biểu hiện	<i>Ý niệm quy ước</i>
		<i>Giá trị hệ thống</i>
Tầng nghĩa thực tiễn	Nghĩa biểu thị	
	Nghĩa biểu chỉ	
Tầng nghĩa biểu trưng	Nghĩa biểu trưng	
	Nghĩa biểu tượng	

Theo tác giả, “các tầng nghĩa và kiểu nghĩa chức năng là một sự mở rộng, đổi mới quan niệm nghĩa, nó cho phép ta gộp vào và kiến giải nội dung từ hai cực đối lập nhau (khoa học và viễn tưởng) và hai khả năng biểu đạt của tín hiệu (tạo hình và biểu hiện, miêu tả và tri giác) mà từ trước đến nay thường không được dung nạp trong phân tích, miêu tả nghĩa từ vựng” (tr.126).

Trong sự tiếp cận ngữ nghĩa ngữ pháp, Lê Quang Thiêm xác định “tầng và kiểu nghĩa liên quan đến từ và sau đó là tầng nghĩa, kiểu nghĩa liên quan đến hình vị. Tầng nghĩa thứ nhất ta gọi là *tầng nghĩa từ vựng - ngữ pháp* và tầng nghĩa thứ hai là *tầng nghĩa phạm trù ngữ pháp*” (tr.131), “tầng nghĩa và kiểu nghĩa câu cấu tạo theo thành phần chức năng của câu” (tr.138) “tầng nghĩa và kiểu nghĩa kiến tạo theo tham tố nghĩa của câu” (tr.151). Về tầng nghĩa, kiểu nghĩa từ vựng - ngữ pháp, theo tác giả, có tầng nghĩa của các *thực từ*, tầng nghĩa ngữ pháp của *hư từ*, tầng nghĩa ngữ pháp của *tình thái từ*. Tầng nghĩa ngữ pháp của thực từ có kiểu nghĩa tự thân thường trực (sự vật, hoạt động, trạng thái,...), kiểu nghĩa tự thân không thường trực (chủ ngữ, bổ ngữ,...),... Tầng nghĩa phạm trù ngữ pháp có *số, giống, cách, thời, thể*,... Trong tầng nghĩa và kiểu nghĩa câu cấu tạo theo thành phần chức năng của câu, theo tác giả, có:

Tầng nòng cốt câu	Kiểu nghĩa nòng cốt hai thành tố
	Kiểu nghĩa nòng cốt ba thành tố
Tầng nghĩa nòng cốt câu mở rộng	Kiểu nghĩa thêm trạng tố
	Kiểu nghĩa thêm định tố
	Kiểu nghĩa thêm khởi tố
	Kiểu nghĩa thêm tình thái tố

Phổ
nghĩa
cương vị
thành
phần
chức
năng của
câu

Trong tiếp cận nghĩa ngữ dụng, tác giả, xuất phát từ sự đối lập *câu* với *lời*, cho rằng nếu nghĩa ngữ pháp thuộc về bình diện *câu* thì nghĩa ngữ dụng thuộc về bình diện *lời*. Và trong nghĩa ngữ dụng, theo tác giả, “nhiệm vụ của chúng ta là thử phân biệt các dạng thể hiện và *tầng nghĩa, kiểu nghĩa* tương ứng ở phạm vi lời chính danh này hay còn có thể hiểu là nghĩa hiển ngôn, nghĩa tường minh của lời” (tr.177-178). Đối lập giữa *lời ngôn hành* và *lời tường thuật*, tác giả quan niệm, với từng loại này, ta đều có thể chia ra các điển dạng và các hiện dạng. Lời điển dạng là lời có cấu tạo với một vị từ ngôn hành trung tâm. Những lời có vị từ ngôn hành làm trung tâm này “trong các bối cảnh giao tiếp cụ thể là lời của các chủ thể tạo lời khác nhau với ý muốn nhấn mạnh, muốn biểu hiện ý khác nhau; *nghĩa* của lực ngôn trung khác nhau trong các biểu hiện lời là hiện dạng với nghĩa tương ứng” (tr.178-179). Ngoài ra, vì “lời bằng giọng thể hiện (dù chỉ một chủ thể) như sử dụng cách *ngắt, nhấn giọng, phân chiết phân đoạn thực tại* khác nhau sẽ có các ý, nghĩa được biểu hiện khác nhau” (tr.180), nghĩa là sẽ có những lời khác nhau, kiểu nghĩa lời khác nhau. Ở đây, tác giả còn điểm thêm kiểu nghĩa của “lời hiện dạng bằng các hình thức của hiện tượng ngôn điệu” và của “lời thể hiện bằng phân đoạn thực tại” (tr.181), nghĩa của *thức*, nghĩa liên nhân, nghĩa xã hội, nghĩa tình thái,...

Như vậy, phạm vi của ngữ nghĩa học khảo sát, theo như Lê Quang Thiêm, “không chỉ nghĩa hiển ngôn, tường minh mà cả nghĩa hàm ẩn, mặc ẩn. Tuy nhiên, trong tập bài giảng này, chúng tôi mới dừng lại một bộ phận trong đó - bộ phận nghĩa tường minh mà thôi” (tr.188). Trong nghiên cứu bộ phận ngữ nghĩa này, tác giả nhận thấy “có một mối quan hệ chặt chẽ giữa *các loại hình chức năng ngôn ngữ với các dạng thuộc tính tinh thần (trí tuệ, tình cảm)* của chủ thể ngôn ngữ với *hệ thống - cấu trúc ngôn ngữ* liên đới... Vì vậy, đứng từ góc độ phân tích, bóc tách ngữ nghĩa, ta có thể và cần thiết hình dung chúng như được *tạo thành từng tầng, từng lớp cùng với các kiểu nghĩa, dạng nghĩa tương ứng*” (tr.189). Như thế, khách quan mà nói, cách tiếp cận này chứa đựng nhiều ý tưởng hay. Đây là cách tiếp cận có nhiều điểm mới, và có triển vọng. Nói như tác giả, “cách tiếp cận *tầng nghĩa, kiểu nghĩa, dạng nghĩa* cho phép tìm sự tương ứng chức năng với các dạng thể cấu tạo cấu trúc - hệ thống của ngôn ngữ; đồng thời cho phép khám phá *ngữ nghĩa ngôn ngữ một cách bao quát, hiện thực, hữu dụng*” (tr.189-190). Tuy nhiên, có lẽ vì muốn hướng đến một lối khám phá càng bao quát được nhiều phạm vi của ngôn ngữ tự nhiên càng tốt, vì thế mà nhiều điểm trong sách cũng cần có thêm sự biện giải, chứng minh, chẳng hạn như việc gộp sự biểu hiện ngữ nghĩa của các từ tượng thanh vào trong tầng *nghĩa biểu tượng*, tầng nghĩa văn hóa, như việc xác định ranh giới giữa kiểu nghĩa phạm trù ngữ pháp và nghĩa được hình thành từ thành phần chức năng của câu, việc phân lớp chia loại các tầng nghĩa kiểu nghĩa ngữ dụng. Có lẽ, do đã thấy rõ được điều này, nên trong *Lời cuối tập*, tác giả đã nói “Dĩ nhiên ý tưởng phác thảo này cần được hiện thực hóa trong phân tích miêu tả ngữ nghĩa của một ngôn ngữ cụ thể ở diện đồng đại cũng như lịch đại”. “Đây cũng là một định hướng phân tích mà chúng tôi sẽ thực hiện trong thời gian tới” (tr.190). Sự hiện thực hoá đó đã được Lê Quang Thiêm thể hiện ở *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* (2015) và *Tiếp cận đa ngành và liên ngành: bản chất ngữ nghĩa từ vựng và hệ tầng kiểu loại nghĩa* (2024).

4. Hiện thực hoá bộ khung lí luận ngữ nghĩa học trong *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* (2015)

Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005 vì được thực hiện dựa trên bộ khung lí thuyết của *Ngữ nghĩa học*, cho nên, nó cũng có những nét riêng, mới của mình.

Lâu nay, ở bậc đại cương, khi đề cập đến ngữ nghĩa học theo hướng lịch đại, lịch sử, hoặc đồng đại động, người ta thường nói đến sự biến đổi đối với nghĩa, biến đổi nghĩa (change of meaning, sense change), phát triển đối với từ vựng, phát triển từ vựng. Nếu quán triệt được điều này, người đọc cũng sẽ thấy được rằng trong *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* tác giả Lê Quang Thiêm đã có sự điều chỉnh, đúng hơn là đã có sự thay đổi về nền tảng triết học chứ không phải là sự thay đổi thuần túy về mặt tên gọi thuật ngữ của mình đối với trạng thái vận động của các “tồn tại nghĩa từ vựng” trong tiếng Việt. Biến đổi thì có thể thụt lùi, mất đi, cũng có thể đi lên, xuất hiện mới. Đối với tác giả Lê Quang Thiêm, trong sự phát triển nghĩa, những nghĩa đã có trong quá khứ, mà đôi khi chúng ta vẫn gán cho những tên gọi như “nghĩa cũ”, “từ cổ”,... không hề mất đi, mà vẫn được lưu giữ, bảo tàng trong hệ thống từ vựng - ngữ nghĩa của ngôn ngữ, chúng có thể được lấy ra, dùng lại ở bất kì một hoàn cảnh sử dụng nào khi điều kiện cho phép. Do đó, “Phát triển được hiểu là sự biến đổi hoặc làm cho biến đổi theo quy luật từ ít đến nhiều, từ hẹp đến rộng, từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp” (tr.22). Và như vậy, theo Lê Quang Thiêm, nói đến sự vận động của nghĩa là nói một cách cụ thể đến sự phát triển nghĩa chứ không phải nói đến sự biến đổi nghĩa một cách chung chung. Chính cách lựa chọn, đặt tên công trình là *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* đã nói lên điều này.

Theo như tác giả, “Nghĩa của từ, cũng như nghĩa của ngôn ngữ nói chung là một sản phẩm văn hóa tinh thần, tâm lí của con người. Nghĩa của từ về bản chất là một thực thể tinh thần. Nó là kết quả của sự phản ánh, ánh xạ, tri nhận thực tại được tích hợp lại trong nội dung kí hiệu từ. (...). Nội dung này là sự kí hiệu hoá, là việc sử dụng kí hiệu trong giao tiếp, tư duy; đồng thời nó là kết quả của sự biểu trưng hoá, cấu trúc hoá trong vốn từ ngữ cũng như trong đặc điểm của ngôn ngữ dân tộc xác định. (...). Nghĩa là thành tố cấu tạo ngôn ngữ, đồng thời là thành tố của văn hóa tinh thần mà việc

nghiên cứu sự biến đổi phát triển nghĩa cũng phần nào cho thấy rõ nội dung văn hóa quan hệ với sự biến đổi phát triển đó" (tr.27). "Sự thực hệ thống ngữ nghĩa là một hệ thống động, một hệ thống được hình thành nhờ *hoạt động chức năng* và bản thân các yếu tố trong hệ thống biến đổi hết sức năng động". "Nghĩa từ vựng là nội dung phản ánh, ánh xạ được kí hiệu hoá, mã hoá trong từ, là kết quả của hoạt động chức năng của từ" (tr.61). Với cách đặt vấn đề như vậy, tác giả của *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* đã thực sự lấy tri nhận luận và chức năng luận làm điểm xuất phát cho nghiên cứu của mình, đã thực sự nhất quán với quan điểm được xem như là nền tảng của việc nghiên cứu ở trong *Ngữ nghĩa học* (2008).

Quan niệm nghĩa là một thực thể tinh thần là một quan niệm quen thuộc trong ngôn ngữ học tiền cấu trúc và ngôn ngữ học hậu cấu trúc. Nhưng quan niệm này đã được tác giả Lê Quang Thiêm mở rộng, phát triển, ông xem nghĩa "như là một tồn tại", một tồn tại trong văn hóa tinh thần dân tộc. Chính vì xem nghĩa như là một tồn tại cho nên tác giả đã chủ động và triệt để đối lập giữa *danh học* (onomastics) và *ngữ nghĩa học từ vựng* (semasiology). Tác giả quan niệm, "nghĩa là một *thực thể tinh thần khách quan*, là đối tượng nghiên cứu, nhưng về bản chất lại là một sản phẩm tồn tại do *chủ quan con người nhận thức*, phản ánh, tổng hợp mà có thông qua sản phẩm là sự *mã hoá trong kí hiệu từ*" (tr.187). Cho nên, danh học bắt đầu từ mặt nội dung được biểu hiện, do đó, bắt đầu từ cái "như là một tồn tại" để tìm hình thức biểu hiện; ngữ nghĩa học từ vựng bắt đầu từ mặt hình thức biểu hiện để đi tìm cái nội dung được biểu hiện, tức là đi tìm cái "thực thể tinh thần". Sự đối lập giữa danh học và ngữ nghĩa học từ vựng trong việc tiếp cận nghĩa từ trong ngôn ngữ học thế giới không phải là vấn đề mới, nhưng đối với Việt ngữ học thì nó thực sự là một cách đặt vấn đề mới, có giá trị cao về mặt thao tác. Đây là một điểm xuất phát, một cách tiếp cận có lí, hữu dụng, giúp chúng ta hình dung rõ ràng hơn mặt từ vựng, ở khía cạnh này, và mặt ngữ nghĩa, ở khía cạnh kia, của hệ thống nghĩa từ vựng tiếng Việt trong sự biến đổi có liên hệ chi phối lẫn nhau của một thực thể nghĩa-từ duy nhất. Sự đối lập giữa danh học và ngữ nghĩa học từ vựng trong cách tiếp cận nghĩa từ là một đối lập thường thấy trong nghiên cứu ngữ nghĩa theo định hướng lịch đại, đặc biệt là sự nghiên cứu ngữ nghĩa học lịch đại theo định hướng tri nhận; tuy nhiên, đối lập này dường như lại không thực sự quen thuộc trong hệ thống thao tác làm việc của ngữ nghĩa học tiếng Việt. Chỉ có thể ý thức được sự đối lập như vậy nên mới có thể hiểu được những khác biệt trong việc tiếp cận và trình bày kết quả nghiên cứu của tác giả của *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* giữa các Chương Ba, Chương Bốn (những chương nói về sự phát triển vĩ mô) với các chương còn lại (những chương nói về sự phát triển vi mô). Nếu không, người ta dễ dàng có cảm tưởng như hai chương này, đặc biệt là Chương Ba, có vẻ "lạc" trong ngữ nghĩa học theo quan niệm của truyền thống.

Vấn đề thuật ngữ khoa học, khái niệm khoa học là một vấn đề không chỉ thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học trong từng chuyên ngành, mà còn là một trong những vấn đề trọng tâm của từ vựng học. Vì lẽ đó, đối với vấn đề nghĩa thuật ngữ, theo đó là vấn đề cấu tạo và thể hiện thuật ngữ để biểu hiện khái niệm/ kiểu nghĩa biểu niệm trong tầng nghĩa trí tuệ của thuật ngữ, đã được tác giả dành nhiều công sức để phân tích và đưa ra giải pháp mới. Tác giả viết: "Mặc dầu sự phát triển đa nghĩa từ vựng có tính quy luật, có tính tiết kiệm và có vai trò lớn trong phát triển ngôn ngữ văn hóa, ngôn ngữ phát triển, song liệu có chấp nhận tính đa nghĩa của thuật ngữ? *Câu trả lời khẳng định dứt khoát là không, không chấp nhận hiện tượng đa nghĩa trong nội dung thuật ngữ, thuật ngữ không có đa nghĩa*" (tr.194). Và giải pháp của vấn đề là: "nên mạnh dạn *đồng âm hoá* để đơn khái niệm hoá thuật ngữ đa biến thể, đa nội dung giải thích trong TD" (tr.204), "*thừa nhận thuật ngữ đồng âm thuộc các ngành, chuyên ngành chuyên môn*" (tr.206). "Đơn vị thuật ngữ do hạn chế là hữu hạn về hình thức biểu đạt thì không có cách nào khác, để cho rõ nghĩa biểu niệm cần chấp nhận sự đồng âm hoá theo các kiểu loại khác nhau. Nếu như trong văn học phải chấp nhận *đa nghĩa ngữ văn* càng đa dạng, càng phong phú thì trong *khoa học phải triệt để đơn nghĩa hoá theo hình thái biểu đạt đồng âm*" (tr.209). "Tóm lại, *giải pháp đồng âm hoá hoàn toàn, để đơn nghĩa biểu niệm các thuật ngữ hoặc đồng âm hoá bộ phận* đối với loại thuật ngữ có cấu tạo với thành tố chung *nhằm chuyển nội dung trong câu*

trúc vi mô qua cấu trúc vĩ mô là giải pháp cần thiết. Thực hiện giải pháp này không những chuẩn hoá nhận thức về nội dung nghĩa thuật ngữ là nghĩa biểu niệm và đơn nghĩa trong hệ thống mà cả chuẩn hoá, nâng cao hiệu quả tri nhận cho người tiếp nhận tri thức qua từ điển." (tr.211). Có thể giải pháp mới này còn có chỗ cần bàn luận thêm, song xét về mặt hình thức và lí thuyết thì hoàn toàn có thể chấp nhận được mặc dù về mặt thao tác phân xuất nghĩa và thực tế sử dụng nghĩa thì việc triển khai và áp dụng nó một cách triệt để có thể gặp một số khó khăn. Cách tiếp cận của Lê Quang Thiêm về sự phát triển của hệ thống thuật ngữ tiếng Việt đã được hiện thực hoá trong *Sự phát triển hệ thuật ngữ tiếng Việt theo định hướng văn hoá* (1907 - 2005).

Truyền thống ngữ nghĩa học khi đề cập tới sự biến đổi nghĩa thường chỉ nói đến các nguyên nhân, điều kiện và hệ quả của sự biến đổi nghĩa. Trong *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005*, tác giả Lê Quang Thiêm đã có thêm một bước tiến mới khi gắn hệ thống lí thuyết của mình về các tầng, kiểu và phổ nghĩa từ vựng vào việc lí giải sự phát triển của nghĩa từ vựng từ vựng tiếng Việt theo hai chiều hướng khái quát *tri tuệ hóa* và *biểu tượng hóa* cùng với bốn đặc trưng nội dung về *tính khái quát, tính loại biệt, tính chính xác, tính biểu tượng*. Tác giả cho rằng "nếu như đặc trưng *biểu tượng hóa* thể hiện tích hợp hàm lượng ngữ nghĩa - văn hóa ngôn từ sâu sắc thì đặc trưng *chính xác hóa* là sự thể hiện tích hợp hàm lượng ngữ nghĩa - văn minh tri tuệ nhân loại" (tr.257). Đây là một suy luận, kết luận hữu lí, phản ánh được thực tế tinh thần luận của sự phát triển của nghĩa từ vựng.

Theo tác giả "*Sự sáng tạo từ ngữ, nội dung nghĩa của từ ngữ đối với người dùng, đối với ngôn ngữ dân tộc là một sự kiện văn hóa, một thành tố văn hóa tinh thần*" (tr.245), "trong sự phát triển toàn diện của dân tộc trong thời đại mới, (...) có vị trí to lớn của văn hóa tinh thần dân tộc mà ngữ nghĩa, bộ phận thuộc văn hóa "tinh thần này có vị trí hàng đầu" (tr.22). Cách đặt vấn đề như vậy là táo bạo, mới đối với cấu trúc luận của Việt ngữ học. Tuy nhiên, cách đặt vấn đề như vậy của tác giả hợp với nhiều nghiên cứu nổi tiếng đã có và đang xuất hiện, chẳng hạn như Carnoy (1927), Stern (1931) Sweetster (1990/1991) hay Geeraerts (1997),... (Thậm chí, Geeraerts còn đi xa hơn khi có ý định kéo chú giải học (hermeneutics) về với ngữ nghĩa học từ vựng (lexical semantics) (Geeraerts, 1997, tr.178), và có xu hướng xem ngữ nghĩa học từ vựng (lexical semantics) có tư cách như là một *Geisteswissenschaft* (khoa học nhân văn) (Geeraerts, 1997, tr.175-189) để thuyết giải các hiện tượng xã hội vốn được mã hoá trong từ ngữ. Có thể nói, dù rằng trong toàn bộ *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* chúng ta không thấy tác giả công khai nói về điều này nhưng cách đặt vấn đề và lập luận như vậy rõ ràng là bóng dáng của cách tiếp cận tinh thần luận và xã hội học của ngữ nghĩa học tiền cấu trúc và ngữ nghĩa học hậu cấu trúc (ngữ nghĩa học tri nhận) đã được thể hiện rõ, và dường như đó chính là một phương châm ngầm định cách triển khai và trình bày kết quả nghiên cứu của tác giả. Điều này tiếp tục được thể hiện khá rõ trong *Tiếp cận đa ngành và liên ngành: bản chất ngữ nghĩa từ vựng và hệ tầng kiểu loại nghĩa* (2024). Chính vì lẽ đó mà ta thấy những yếu tố của ngôn ngữ học ngoại tại đã được tác giả tận dụng triệt để để lí giải cho được sự kiện phát triển nghĩa từ vựng của tiếng Việt từ năm 1945 đến năm 1975. Cũng cần phải nhấn mạnh thêm rằng hướng đi này của tác giả chính là hướng đi của tri nhận luận đang chiếm ưu thế hiện nay, dấu rằng hướng đi như vậy trong thời kì cấu trúc luận đã phải chịu chỉ trích từ rất nhiều phía, từ rất nhiều lí thuyết.

5. Về Tiếp cận đa ngành và liên ngành: bản chất ngữ nghĩa từ vựng và hệ tầng kiểu loại nghĩa (2024)

Tiếp cận đa ngành và liên ngành: bản chất ngữ nghĩa từ vựng và hệ tầng kiểu loại nghĩa (2024) là một sự tiếp nối mạch nghiên cứu về ngữ nghĩa học tiếng Việt của Lê Quang Thiêm. Trong một chừng mực nào đó có thể xem công trình này như là một "trạm dừng nghỉ", mà tác giả tự gọi là "chặng cuối cùng của con đường nghiên cứu và giảng dạy" của mình (*Lời nói đầu*, tr.18), vừa là để nhìn lại vừa là để hiệu chỉnh, bổ sung, phát triển, dù không nhiều, cho các công trình trước đây.

Ở công trình này, xuất phát từ quan điểm cho rằng "cách tiếp cận chuyên ngành luôn có quan hệ và giữ cự li cần thiết với cách tiếp cận đa ngành/ liên ngành trong nghiên cứu chuyên sâu" (tr.15), Lê

Quang Thiêm đã tận dụng, vận dụng tri thức đa ngành để làm rõ bản chất nghĩa từ vựng và hệ tầng kiểu loại nghĩa mà mình đã đề xuất trong *Ngữ nghĩa học* (2008).

Tiếp cận đa ngành và liên ngành: bản chất ngữ nghĩa từ vựng và hệ tầng kiểu loại nghĩa đã làm rõ hai vấn đề: “Một là thử áp dụng, vận dụng, tiếp cận đa ngành và liên ngành vào xác định *bản chất nghĩa từ vựng*. Hai là hiểu nghĩa từ vựng tồn tại như là *một hệ tầng cấu tạo*, đồng thời thử phân chia nhận diện đặc trưng *các kiểu nghĩa* trong hệ tầng đó theo đặc trưng bản chất ngữ nghĩa” (tr.247).

Đặt vấn đề “tiếp cận đa ngành và liên ngành”, Lê Quang Thiêm “muốn thể hiện *hành động tìm hiểu, nghiên cứu* với thao tác thực hành hơn là lí luận về *cách, về sự* nghiên cứu”, “giữ sự *gắn bó tương tác* với *chuyên ngành* như mục đích nghiên cứu” (tr.247). Lê Quang Thiêm xem “kết quả của hoạt động tiếp cận là kết quả mới của sự kiến giải, của sự tiến gần hơn đến bản chất nghĩa chính danh vốn có của nghĩa từ vựng”. Cụ thể hơn, “nghĩa từ vựng được giả định là một *thực thể tinh thần trừu tượng*, được hoạt động tư duy - giao tiếp biểu hiện, tích hợp trong tín/ kí hiệu từ/ngữ định danh của ngôn ngữ. Cùng với bản chất nghĩa như vậy thì tầng nghĩa là một cấu tạo tinh thần trừu tượng thuộc nội dung đơn vị, hệ thống từ vựng như đã tạo thành tầng, thành lớp, như các tầng đất canh tác, các tầng vỉa than, khoáng sản và mỏng nhẹ hơn là tầng mây trên bầu trời trong xanh hay mây phủ” (tr.247). Trong công trình này tác giả cũng đã cố gắng đưa ra một tổng hợp, đánh giá và đề xuất, cập nhật chi tiết hơn về hệ tầng nghĩa từ vựng - gồm tầng nghĩa và và kiểu nghĩa thực tiễn, tầng nghĩa và kiểu nghĩa trí tuệ, tầng nghĩa và kiểu nghĩa biểu tượng - mà chính ông đã đề xuất trong *Ngữ nghĩa học* (2008). Đặc biệt, tầng nghĩa và kiểu nghĩa trí tuệ đã được ông chú ý hơn, với một số bổ sung và phân biệt về nội hàm khái niệm công cụ mô tả (như ý thức, ý niệm, khái niệm, tiếp cận toàn đại, tam giác ngữ nghĩa thuần nhất, chuỗi nghĩa, phổ nghĩa,...), xem đó như là “một gợi mở để những ai hướng quan tâm tới sự phát triển tư duy, trí tuệ, ý thức, nhận thức và tri thức tiếp tục đào sâu vào các chuyên ngành ngữ nghĩa học tương ứng trong tương lai có thể đề xuất những công trình nghiên cứu với những công hiến mới” (tr.247).

Có thể có những khái niệm công cụ và nội dung nghiên cứu trong *Tiếp cận đa ngành và liên ngành: bản chất ngữ nghĩa từ vựng và hệ tầng kiểu loại nghĩa* cần có thêm sự phản biện, điều chỉnh và cập nhật (như cách lí giải của tác giả về logic, tâm lí học trí tuệ; các khái niệm nhận thức, ý thức, khái niệm, ý niệm,...), song rõ ràng là cách đặt vấn đề tiếp cận nghĩa từ vựng từ góc độ đa ngành và liên ngành là một cách đặt vấn đề đáng cổ vũ, phù hợp với các khuynh hướng nghiên cứu hiện đại trong ngôn ngữ học nói riêng và trong khoa học nói chung.

6. Thay lời kết luận

Có thể xem *Ngữ nghĩa học* (2008) của Lê Quang Thiêm là một ý tưởng phác thảo mới, một xác lập mới về mặt lí thuyết trong cách vận dụng, kiến giải nghĩa đối với thực tế ngữ liệu tiếng Việt. Do đó, *Ngữ nghĩa học* vẫn cần phải “có thêm biện giải, chứng minh” (2008, tr.80), cần được “hiện thực hoá trong phân tích miêu tả ngữ nghĩa của một ngôn ngữ cụ thể ở cả diện đồng đại cũng như lịch đại” (2008, tr.190) như chính tác giả của nó yêu cầu. *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* (2015) và *Tiếp cận đa ngành và liên ngành: bản chất ngữ nghĩa từ vựng và hệ tầng kiểu loại nghĩa* (2024) đã thực sự là những câu phản quan trọng của sự hiện thực hoá hệ thống quan điểm lí thuyết đó của chính tác giả bằng những minh chứng cụ thể. Hơn thế nữa, ở *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005*, *Tiếp cận đa ngành và liên ngành: bản chất ngữ nghĩa từ vựng và hệ tầng kiểu loại nghĩa* cũng đã có những điểm lí giải và phát triển thêm về mặt lí luận (chẳng hạn, tác giả đã đề xuất thêm các phạm trù, khái niệm *trường tầng nghĩa, trường định danh*, giải pháp đồng âm hoá thuật ngữ, sự tích hợp các tri thức và phương pháp liên ngành, sự phân biệt mô tả khái niệm công cụ,...).

Nếu người ta coi một lí thuyết khoa học là hệ thống các giả thiết và các chứng cứ, thực nghiệm, sự kiện,... để giải thích hiện thực, thì có thể xem rằng hệ thống quan điểm lí thuyết của Lê Quang Thiêm ở *Ngữ nghĩa học* đã có thêm được những chứng cứ mới ở trong *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* và *Tiếp cận đa ngành và liên ngành: bản chất ngữ nghĩa từ vựng và hệ*

tầng kiểu loại nghĩa. Nếu xét ở khía cạnh chủ ý lập thuyết, đi theo đến cùng kiệt và chứng minh để hoàn thiện chính lý thuyết ấy thì người ta không thể không thừa nhận một sự thực rằng Lê Quang Thiêm đã có ý thức rất rõ ràng trong việc lập thuyết và chứng minh hoàn thiện và tổng kết lý thuyết của mình, cho dù người ta vẫn cần thêm thời gian để đánh giá các kết quả nghiên cứu của ông. Và lẽ dĩ nhiên, vì trọng tâm nghiên cứu của *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005*, như tác giả tự cho biết, “là bình diện lịch đại nên việc phân tích miêu tả đồng đại theo đầy đủ khung lý thuyết được hiện thực trong một công trình khác trên ngữ liệu tiếng Việt sẽ được công bố tiếp sau” (2015, tr.86), cho nên người ta có thể hi vọng và chờ đợi Lê Quang Thiêm công bố những công trình tiếp theo để hoàn thiện chính hệ thống quan điểm lý thuyết của mình “để bổ sung, điều chỉnh sâu sắc, có nhiều kết quả và thành tựu lớn hơn” (2015, tr.23). Và công trình mà người ta chờ đợi đó chính là chuyên khảo *Tiếp cận đa ngành và liên ngành: bản chất ngữ nghĩa từ vựng và hệ tầng kiểu loại nghĩa*, do Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội ấn hành năm 2024.

Tiếp cận đa ngành và liên ngành: bản chất ngữ nghĩa từ vựng và hệ tầng kiểu loại nghĩa thực sự là một minh chứng cho tính liên mạch và kế thừa, bổ sung, tổng kết... trong nghiên cứu khoa học, xét về mặt thực tiễn, minh chứng cho sự đi đến tận cùng trong việc đề xuất và phát triển lý luận, cách tiếp cận khoa học, xét về mặt lý thuyết. Khoa học không chỉ hay và mới ở cách giải quyết vấn đề thực tiễn mà còn hay và mới ở chỗ đặt vấn đề lý thuyết cho cách giải quyết. Với ba tác phẩm *Ngữ nghĩa học* (2008), *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* (2015), *Tiếp cận đa ngành và liên ngành: bản chất ngữ nghĩa từ vựng và hệ tầng kiểu loại nghĩa* thực (2024), Lê Quang Thiêm đã làm được cả hai điều này, dù rằng đó chỉ là một sự mở đầu - với nhiều điểm mới - vẫn cần những người đi sau minh chứng và phát triển tiếp.

Ngữ nghĩa vốn là một đối tượng nghiên cứu hết sức trừu tượng, bởi thế, việc tiếp cận nó quả là một việc không dễ dàng chút nào. Vì thế mà trong ngữ nghĩa học tiếng Việt, cho đến nay, cũng chỉ có một vài đầu sách lý thuyết có tính chất đại cương (*Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng* của Đỗ Hữu Châu, 1998; *Ngữ nghĩa học* của Nguyễn Thị Ly Kha (cb.), 2012; *Nghĩa học Việt ngữ* của Nguyễn Thiện Giáp, 2014; *Ngữ nghĩa học* của Đỗ Việt Hùng, 2014), một vài đầu sách mô tả cụ thể (*Từ đồng nghĩa tiếng Việt* của Nguyễn Đức Tồn, 2006; *Từ trái nghĩa tiếng Việt* của Phạm Văn Lam, 2020). Sự xuất hiện cụm các công trình *Ngữ nghĩa học* (2008), *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* (2015) và *Tiếp cận đa ngành và liên ngành: bản chất ngữ nghĩa từ vựng và hệ tầng kiểu loại nghĩa* (2024) của Lê Quang Thiêm quả là một điều đáng khích lệ và có nhiều lợi ích thiết thực trong cả nghiên cứu và đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đỗ Hữu Châu (1998), *Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng*, Nxb Giáo dục, H., .
2. Đinh Văn Đức (cb.), Trần Trí Dõi, Vũ Đức Nghiệu, Nguyễn Văn Khang, Lê Quang Thiêm, Đinh Văn Đức (2015), *Tiếng Việt lịch sử trước thế kỉ XX: những vấn đề quan yếu*, Nxb ĐH QGHN, H., .
3. Nguyễn Thiện Giáp (2014), *Nghĩa học Việt ngữ*, NXB Giáo dục Việt Nam, H., .
4. Đỗ Việt Hùng (2014), *Ngữ nghĩa học*, Nxb ĐH SPHN, H., .
5. Nguyễn Thị Ly Kha (cb.), Vũ Thị Ân (2012), *Ngữ nghĩa học*, Nxb Giáo dục Việt Nam, H., .
6. Phạm Văn Lam (2020), *Từ trái nghĩa tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam, H., .
7. Hà Quang Năng (cb.), Nguyễn Thuý Khanh, Nguyễn Thị Trung Thành, Chu Bích Thu, Vương Toàn (2009), *Sự phát triển của từ vựng tiếng Việt nửa sau thế kỉ XX*, Nxb KHXH, H., .
8. Lê Quang Thiêm (2003), *Lịch sử từ vựng tiếng Việt thời kì 1858 - 1945*, Nxb KHXH, H., .

9. Dirk Geeraert (2015), *Các lý thuyết ngữ nghĩa học từ vựng* (Phạm Văn Lam dịch), Nxb ĐH QGHN, H.,.
10. Lê Quang Thiêm (2008), *Ngữ nghĩa học*, Nxb Giáo dục, H., .
11. Lê Quang Thiêm (2015), *Lịch sử từ vựng tiếng Việt (thời kì 1858 – 1945)* (2003), Nxb ĐHQG HN, H., .
12. Lê Quang Thiêm (2018), *Sự phát triển hệ thuật ngữ tiếng Việt theo định hướng văn hoá (1907 - 2005)*, Nxb ĐHQG HN, H.,.
13. Lê Quang Thiêm (2022), *Việt ngữ học: nghiên cứu lịch sử từ vựng và sự phát triển nghĩa từ vựng 1858 - 2005*, Nxb ĐHQG HN, H.,.
14. Nguyễn Đức Tồn (2006), *Từ đồng nghĩa tiếng Việt*, Nxb KHXH, H.,.
15. Vũ Đức Nghiệu (2011), *Lược khảo lịch sử từ vựng tiếng Việt*, Nxb GD, H.,.

Tiếng Anh

16. Dirk Geeraert (1997), *Diachronic Prototype Semantics*, Clarendon Press, Oxford.
17. Gustaf Stern, *Meaning and change of meaning*, Indiana University Press, 1931.
18. Eve Sweetster (1990/1991), *From Etymology to Pragmatics*, Cambridge University Press, New York.

Multidisciplinary and interdisciplinary approaches: the nature of lexical meaning and the stratification of lexical meaning types - a landmark in Professor Le Quang Thiem's fifty years of research on semantics

Abstract: Semantics, both in general linguistics and in the study of the Vietnamese language, constitutes a particularly complex and demanding field. Compared with other areas of linguistic inquiry, the body of literature devoted to semantics remains relatively limited. Against this backdrop, the corpus of research on semantics and Vietnamese lexical meaning conducted by Professor Lê Quang Thiêm represents a rare and valuable contribution to linguistic scholarship as well as to academic training in the field. On the occasion of the publication of *Multidisciplinary and Interdisciplinary Approaches: The Nature of Lexical Meaning and the Stratification of Lexical Meaning Types* (2024), this paper aims to review Professor Lê Quang Thiêm's major scholarly contributions as reflected in his key monographs: *The History of Vietnamese Vocabulary (1858–1945)* (2003), *Semantics* (2008), *The Development of Vietnamese Lexical Meaning from 1945 to 2005* (2015), and *Multidisciplinary and Interdisciplinary Approaches: The Nature of Lexical Meaning and the Stratification of Lexical Meaning Types* (2024).

Key words: Lê Quang Thiêm; semantics; lexical meaning; semantic development; semantic stratum; semantic type.